

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-PT

Ngày 31-10-2023

V/v tranh chấp: Chia tài sản  
sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thu Hương

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Hồng Quân

Bà Nguyễn Thị Thu Lan

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Chia tài sản sau khi ly hôn”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2023/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2023. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Như H sinh năm: 1977. Có mặt  
Trú tại: Thôn Y, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.
2. Bị đơn: Anh Nông Văn G, sinh năm: 1971. Có mặt  
Trú tại: Thôn Y, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.
3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nông Văn G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Như H trình bày:*

Chị và anh Nông Văn G đã được Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái giải quyết chia tài sản chung năm 2021. Tuy nhiên, còn một số tài sản chung chị H, anh G chưa chia gồm: 01 giếng nước đào và xây bằng gạch năm 1993; 01 chuồng gà diện tích 9,3 m<sup>2</sup> và 01 mái che củi diện tích 04 m<sup>2</sup>. Các tài sản này đều nằm trên thửa đất ở số 462b; diện 110 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ); số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03644 do Ủy

ban nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái cấp ngày 18-10-2018 mang tên Nông Văn G và Đỗ Như H (là thửa đất chị H được chia theo quyết định của bản án số 51/2021/HNGĐ-ST ngày 17-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện L) và 6,5 m<sup>2</sup> nằm ngoài GCNQSDĐ tại địa chỉ: Thôn Y, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản trên.

*Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nông Văn G trình bày:*

Sau khi ly hôn và chia tài sản chung thì anh và chị Đỗ Như H còn những tài sản chung chưa chia gồm: 01 giếng nước đào và xây bằng gạch từ năm 1993; 01 chuồng gà diện tích 9,3m<sup>2</sup>; 01 mái che củi diện tích 4m<sup>2</sup>. Các tài sản này đều nằm trên thửa đất chị H đã được chia theo bản án số 51/2021/HNGĐ-ST ngày 17-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái. Nhưng anh G cho rằng: Toàn bộ số tài sản này là của anh mua và xây dựng, chị H không có công đóng góp vào việc nâng cấp tu sửa tài sản trên. Nên anh G không nhất chí chia.

Tại bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST ngày 19-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái quyết định:

Áp dụng vào các Điều 16, 59 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 210, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Về tài sản chung chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử:*

\* Chị Đỗ Như H được quản lý, sử dụng các tài sản:

+ 01 giếng nước (giếng đào) 6,3 m trị giá 2.095.380 đồng; thành giếng 0,95 m trị giá 600.438 đồng; nền giếng lát vữa xi măng 2,7 m<sup>2</sup> trị giá 135.540 đồng;

+ 01 chuồng gà, 01 mái để củi có kích thước:

- Mái P rô xi măng 16,59 m<sup>2</sup> trị giá 1.267.476 đồng;

- Nền bê tông không cốt thép 0,36 m<sup>3</sup> trị giá 410.364 đồng;

- Nền Lát vữa xi măng 12,9 m<sup>2</sup> trị giá 647.580 đồng;

- Tường xây bao quanh gạch chỉ 0,49 m<sup>3</sup> trị giá 774.249 đồng;

- Móng xây gạch bê tông 0,59 m<sup>3</sup> trị giá 777.030 đồng;

- Bó vữa nền (gạch bê tông) 0,22 m<sup>3</sup> trị giá 289.740 đồng;

- Bó vữa gạch bê tông 0,1 m<sup>3</sup> trị giá 131.700 đồng;

- Móng vữa phía sau xây bằng gạch chỉ đặc 0,22 m<sup>3</sup> trị giá 285.362 đồng;

- 03 cột bê tông cốt thép 0,12 m<sup>3</sup> trị giá 291.768 đồng;

Tổng giá trị tài sản 7.706.627 đồng (bảy triệu bảy trăm linh sáu nghìn sáu trăm hai mươi bảy đồng)

Các tài sản trên thửa đất ở thửa số 462b, diện tích 110 m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nông Văn G, Đỗ Như H, số vào sổ cấp GCN:

CH03644 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 18-10-2018 và 6,5 m<sup>2</sup> ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vị trí: Phía Bắc giáp thửa 462a chiều dài 24,46 m, phía Nam giáp thửa 463a chiều dài 23,48 m, phía Tây giáp đất hành lang đường điện chiều dài 5,00 m, phía Đông giáp đường tỉnh lộ 171 chiều dài 5,00 m, tại thôn Y, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.

\* Chị Đỗ Như H phải có trách nhiệm thanh toán 1/2 giá trị tài sản cho anh Nông Văn G số tiền 3.853.000 đồng (ba triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng; án phí; lãi suất chậm trả; quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự theo luật định.

Ngày 04-8-2023 anh Nông Văn G kháng cáo bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST ngày 19-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái như sau:

1. Không đồng ý chia tài sản là nhà và đất theo bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST ngày 17-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái cho chị Đỗ Như H;

2. Không nhất trí chia cho chị H ½ giá trị các tài sản gồm: 01 giếng nước; 01 chuồng gà và 01 mái để củi theo bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST ngày 19-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đỗ Như H giữ nguyên nội dung khởi kiện. Anh Nông Văn G giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự về cơ bản đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nông Văn G. Giữ nguyên bản án số 83/2023/HNGĐ-ST ngày 19-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.

- Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên anh G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn kháng cáo; đúng, đủ về hình thức, nội dung và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của bị đơn anh Nông Văn G. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Đối với yêu cầu của anh G không đồng ý chia tài sản là nhà và đất cho chị Đỗ Như H.

Xét thấy: Năm 2021, anh G và chị H được Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn là nhà và đất tại bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST ngày 17-8-2021 (bản án đã có hiệu lực pháp luật). Do đó, nội dung kháng cáo này không thuộc phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.2] Đối với yêu cầu của anh G không nhất trí chia cho chị H  $\frac{1}{2}$  giá trị các tài sản chung gồm: 01 giếng nước; 01 chuồng gà và 01 mái để cũi.

Hội đồng xét xử thấy: Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15-6-2023 Tòa án nhân dân huyện L và kết quả định giá xác định: Tài sản chung của anh G và chị H chưa chia gồm: 01 giếng nước (giếng đào) trị giá 2.831.358 đồng; 01 chuồng gà và 01 mái để cũi có trị giá 4.875.269 đồng. Tổng giá trị tài sản là 7.706.627 đồng. Các tài sản này đều nằm trên thửa đất chị H đã được chia theo bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST ngày 17-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái (bản án đã có hiệu lực pháp luật).

Quá trình giải quyết vụ án, anh G cho rằng: Chị H đã bỏ nhà đi làm thuê từ năm 2010 đến năm 2020 không sống chung với anh và không có công sức đóng góp đối với những tài sản chung của vợ chồng, nên các tài sản chưa chia gồm: 01 giếng nước; 01 chuồng gà và 01 mái để cũi là tài sản riêng của anh, do anh tự bỏ tiền ra tu sửa và xây dựng. Nay chị H yêu cầu chia những tài sản chung này thì anh không đồng ý.

Tuy nhiên, các tài liệu do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập và các đương sự xuất trình thể hiện: Chị H và anh G kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1997 đến năm 2020 thì ly hôn, quá trình chung sống cả hai đều có công sức đóng góp vào việc tạo lập, tôn tạo, duy trì khối tài sản chung như nhau. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các Điều 16, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 210 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của chị H và buộc chị H phải có trách nhiệm thanh toán  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản cho anh G với số tiền 3.853.000 đồng là phù hợp và có căn cứ.

Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm anh G cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh những tài sản nêu trên là tài sản riêng của anh G.

Từ những nội dung phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nông Văn G. Giữ nguyên bản án số:

83/2023/HNGĐ-ST ngày 19-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên anh G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nông Văn G. Giữ nguyên bản án số 83/2023/HNGĐ-ST ngày 19-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

2. Về án phí: Anh Nông Văn G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2022/0001051 ngày 07-8-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái. Anh G đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND, VKSND huyện L ;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Đỗ Thu Hương**